TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **23/2023/HNGĐ-ST** Ngày 07/6/2023 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và bà Trần Thị Lệ Dung.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Mỹ D, sinh năm 1997; ĐKHKTT và trú tại: xóm 11, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt);
- Bị đơn: Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1992; ĐKHKTT và trú tại: xóm 10, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về phía nguyên đơn chị Vũ Thị Mỹ D trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị và anh Đỗ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã H, huyện K, là quê của chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh Đ ở xóm 10, xã C. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì cùng đi làm ăn xa và sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên chị và anh Đ đã sống ly thân từ cuối năm 2020.

Theo chị D nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, lối sống, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xảy ra xô xát. Anh Đ thường có lời lẽ xúc phạm, đánh đập chị. Vì không thể chịu đựng được nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 9, xã H để sinh sống, ly thân với anh Đ từ cuối năm 2020, không ai quan tâm đến ai. Bản thân chị đã cho anh Đ một thời gian dài để suy nghĩ, thay đổi bản thân nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ để chị ổn định cuộc sống

Về con chung: chị xác định vợ chồng có 1 con chung là Đỗ Toàn T, sinh ngày 25/8/2019. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 1 triệu đồng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản: Chị D xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Đỗ Văn Đ trong các biên bản sự việc các ngày 07/02/2023; 24/02/2023 thể hiện:

Anh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xóm 10, xã C. Hiện anh đang đi làm công ty, sáng đi tối về. Qua các lần làm việc cho thấy, anh Đ có biết việc chị Vũ Thị Mỹ D có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, anh không tham gia, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị Mỹ D và anh Đỗ Văn Đ; giao chị Vũ Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Đỗ Toàn T, sinh ngày 25/8/2019. Anh Đỗ Văn Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị D mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 7/2023 cho đến khi con chung thành niên. Về án phí: Chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định, ghi nhận sự tự nguyện nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm của chị D thay cho anh Đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Đỗ Văn Đ, cư trú tại xóm 10, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại Điều 28 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

Bị đơn anh Đỗ Văn Đ đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Thị Mỹ D và anh Đỗ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn. Theo chị D xác định do trong thời gian đi làm ăn xa, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh Đ có lời lẽ xúc phạm chị và còn đánh đập chị. Mặc dù

chị đã cho anh Đ thời gian dài để suy nghĩ, thay đổi bản thân nhưng không có kết quả. Vì không thể chịu đựng được nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, ly thân với anh Đ từ cuối năm 2020

Về phía anh Đ, anh không có quan điểm đối với yêu cầu của chị D, cũng không tham gia vào quá tình giải quyết vụ án mà để chị D tự giải quyết thủ tục ly hôn, có thái độ bỏ mặc. Bản thân anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị D và anh Đ tại UBND xã C cũng như làm việc tại cư trú của anh Đ thì xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên chị D, anh Đ không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2020, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ do anh Đ và chị D chưa hòa giải tại cơ sở.

Như vậy, chị D xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Về phía anh Đ mặc dù có biết việc chị D yêu cầu giải quyết ly hôn với anh nhưng có thái độ bỏ mặc, không biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, cố tình trốn tránh, không hợp tác giải quyết vụ án.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị D, anh Đ hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của chị D giải quyết ly hôn anh Đ là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung :

Chị Vũ Thị Mỹ D và anh Đỗ Văn Đ đều xác nhận vợ chồng có 1 con chung là Đỗ Toàn T, sinh ngày 25/9/2019. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 1 triệu đồng kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên

Về phía anh Đ, anh không có quan điểm về việc này.

Thực tế từ khi sống ly thân, con chung của vợ chồng ở với chị D, do chị D nuôi dưỡng. Chị D không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh về mức thu nhập của chị cũng như của anh Đ

Để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học tập con chung thì việc giao con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng và anh Đ phải đóng góp tiền nuôi con cho chị D mỗi tháng 1 triệu đồng là phù hợp

[4] Về tài sản chung:

Chị Vũ Thị Mỹ D không yêu cầu giải quyết, anh Đỗ Văn Đ không có ý kiến về tài sản chung nên HĐXX không xem xét

[5] Về án phí:

Căn cứ quy định tại điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 buộc chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định và ghi nhận sự tự nguyện nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm của chị D thay cho anh Đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Vũ Thị Mỹ D và anh Đỗ Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Mỹ D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Đỗ Toàn T, sinh ngày 25/9/2019. Anh Đỗ Văn Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị D mỗi tháng 1 triệu đồng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi con chung thành niên. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Mỹ D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA4758 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị D phải nộp 300.000đ

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo thỏa thuận thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh